

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 782/2023/LĐ-PT

Ngày: 27-7-2023

V/v Tranh chấp về tiền trợ cấp
thôi việc.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài
Bà Nguyễn Thị Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Kim Sen - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh số A N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 39/2023/TLPT-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc: “Tranh chấp về tiền trợ cấp thôi việc”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 15/2023/LĐ-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2637/2023/TLPT-LĐ ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Yến N, sinh năm 1964
Địa chỉ: B N, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Tổng Công ty T3 Địa chỉ: B P, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Quốc T - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Phước T1; Bà Võ Thị Thu L; Bà Trương Thị Diễm T2; Bà Nguyễn Thị Hạnh V - đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 497/ UQ-TCT ngày 24 tháng 3 năm 2023 của ông Lâm Quốc T - Tổng giám đốc).

Người kháng cáo: Tổng Công ty T3 Một thành viên là bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Yên N trình bày:

Ngày 30/5/1985 Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định “về việc điều động cán bộ/CNV” tiếp nhận và điều động bà đến Công ty Ǻ nhận công tác kể từ ngày 01/6/1985. Công ty Ǻ đã ban hành Quyết định điều động bà đến nhận công tác tại Nhà hàng Q (379 – C N, Phường A, Quận E) kể từ ngày 01/6/1985. Bà đã làm việc tại Nhà hàng Q từ ngày 01/6/1985 đến đến tháng 12/1989. Tháng 01/1990 đến tháng 11/1992 Nhà hàng Q đổi tên thành Nhà hàng K (379 – C N, Phường A, Quận E) thuộc Công ty D. Tháng 12/1992 đến tháng 12/2002 Nhà hàng K thuộc Công ty D (Công ty D).

Tháng 01/2003 đến tháng 3/2005 Nhà hàng K được giao cho Công ty D1 quản lý.

Quyết định số 77/QĐ-TCT ngày 28/2/2005 về việc chuyển Khách sạn K là đơn vị hạch toán kinh tế trực thuộc Công ty D1 về trực thuộc Tổng Công ty T3.

Bà đã công tác liên tục từ ngày 01 tháng 6 năm 1985, do tình hình các cấp Công ty chủ quản có sự chia tách, sáp nhập nên bà lần lượt được thay đổi công tác và Công ty C liên tục. Vì lý do sức khỏe nên đến ngày 31/7/2018 bà đã gửi đơn xin thôi việc kể từ 15/09/2018, được chấp thuận và ký Quyết định số 57/QĐ – TTPPS ngày 15/09/2018 về việc chấm dứt hợp đồng lao động theo đơn xin của bà, mức lương đóng Bảo hiểm xã hội cuối cùng của bà là 6.527.000 đồng. Bà có thời gian đóng Bảo hiểm xã hội bắt buộc là 33 năm 3 tháng.

Tuy nhiên Chi nhánh Tổng Công ty T3 chỉ công nhận thời gian công tác của bà tại hệ thống các đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty T3 hữu hạn Một thành viên từ 22/01/2003 đến 15/09/2018 tương đương 15 năm 7 tháng, trong đó Trung tâm T3 đã chuyển khoản cho bà tiền trợ cấp thôi việc giai đoạn từ 01/2003 đến 31/12/2008 là 5 năm 11 tháng làm tròn thành 6 năm, còn lại là thời gian tham gia Bảo hiểm thất nghiệp từ 01/01/2009 đến 15/09/2016 là 9 năm 8 tháng. Thời gian từ ngày 01/6/1985 – 12/2002 là 17 năm 7 tháng làm tròn thành 18 năm, bà chưa lần nào được nhận tiền trợ cấp thôi việc sau mỗi lần thay đổi Công ty chủ quản. Sau đó bà đã khởi kiện ra Tòa án và tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 94/2019/QĐST-LĐ ngày 25/11/2019 giữa bà và Tổng Công ty T3 Một thành viên của Tòa án nhân dân Quận 1 thì bà đã nhận được tiền trợ cấp thôi việc trong thời gian từ ngày 01/7/1999 đến ngày 31/12/2002 là 13.054.000 đồng. Còn lại thời gian làm việc từ 01/6/1985 đến 30/6/1999 là 14 năm 1 tháng, bà vẫn chưa nhận được tiền trợ cấp thôi việc.

Nhận thấy, việc không được thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với thời gian công tác từ 01/6/1985 đến 30/6/1999 là 14 năm 1 tháng đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà, vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tổng Công ty T3 Một thành viên phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho bà với thời gian từ ngày

01/6/1985 đến ngày 30/6/1999 tương đương 14 năm 1 tháng số tiền là 45.689.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Võ Thị Yến N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc Tổng Công ty T3 Một thành viên thanh toán cho bà 45.689.000 tiền trợ cấp thôi việc với thời gian làm việc từ ngày 01/6/1985 đến ngày 30/6/1999 tương đương 14 năm 1 tháng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Tổng Công ty T3 hữu hạn một thành viên có các ông bà Đinh Phước T1, Võ Thị Thu L, Trương Diễm T2, Nguyễn Thị Hạnh V - đại diện hợp pháp đều trình bày:

Qua tài liệu lưu trữ tại cơ quan, quá trình làm việc của bà Võ Thị Yến N như sau: Từ tháng 06/1985 đến tháng 12/1989: Nhân viên Kế toán, Nhà hàng Q, Công ty A; Từ tháng 01/1990 đến tháng 09/1992: Nhân viên Kế toán, Nhà hàng K thuộc Công ty D; Từ tháng 12/1992 đến tháng 12/1996: Nhân viên Kế toán, Nhà hàng K thuộc Công ty D; Từ tháng 01/1997 đến tháng 7/1999: Nhân viên Kế toán, Nhà hàng, Khách sạn K thuộc Công ty D; Từ ngày 26/7/1999 đến tháng 12/2002: Nhân viên Kế toán, Nhà hàng, Khách sạn K thuộc Công ty D – Cholifac thuộc Tổng Công ty T3; Từ tháng 01/2003 đến tháng 03/2005: Nhân viên Khách sạn K thuộc Công ty D1. Từ tháng 04/2005 đến tháng 01/2008: Nhân viên Kế toán Khách sạn K thuộc Tổng Công ty T3; Từ tháng 02/2008 đến tháng 03/2015: Nhân viên Kế toán Trung tâm D2 thuộc Tổng Công ty T3; Từ tháng 04/2015 đến tháng 09/2018: Nhân viên dự án S – Phòng T3 thuộc Tổng Công ty T3; Từ ngày 15/9/2018: Bà Võ Thị Yến N nghỉ việc tại Trung tâm T3 theo nguyện vọng (Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số 52/QĐTTPPS ngày 15/9/2018 của Trung tâm T3).

Quá trình thành lập và tiếp nhận các đơn vị của Tổng Công ty T3: Ngày 02/11/1995 Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 7472/QĐ-UB-NCVX về việc thành lập Tổng Công ty T3; Ngày 26/7/1999 Ban Tài chính Quản trị - Thành ủy ban hành Quyết định số 182-QĐ/TCQT-SXKD về việc bàn giao Công ty D - Cholifac cho Tổng Công ty T3 (trong đó có Nhà hàng K); Ngày 22/01/2003 Tổng Công ty T3 ban hành Quyết định số 45/QĐ-TCT về việc thành lập Khách sạn K là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc trực thuộc Công ty D1; Ngày 28/02/2005 Tổng Công ty T3 ban hành Quyết định số 77/QĐ-TCT ngày 28/02/2005 về việc chuyển Khách sạn K, là đơn vị kinh tế phụ thuộc Công ty D1 về trực thuộc Tổng Công ty T3; Ngày 09/5/2006 Tổng Công ty T3 ban hành Quyết định số 204/QĐ-TCT về việc giải thể khách sạn K.

Như vậy căn cứ quá trình làm việc của bà Võ Thị Yến N tại Nhà hàng K và quá trình thành lập và tiếp nhận các đơn vị của Tổng Công ty Thương mại S, (trong đó có Nhà hàng K thuộc Công ty D) thì trường hợp bà Võ Thị Yến N được xem xét là làm việc tại đơn vị thuộc tổng công ty T3 kể từ tháng 7/1999.

Căn cứ Khoản 2 Điều 38, Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định như sau:

“Đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước khi chấm dứt hợp đồng lao động mà người lao động có thời gian làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước và chuyển đến làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa nhận trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc làm thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc hoặc trợ cấp mất việc làm đối với thời gian người lao động đã làm việc cho mình và chi trả trợ cấp thôi việc đối với thời gian người lao động đã làm việc cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước trước đó”.

Từ các căn cứ trên xác định bà Võ Thị Yến N có thời gian làm việc tại đơn vị thuộc Tổng Công ty T3 kể từ tháng 7/1999 (sau thời điểm 01/01/1995).

Mặt khác, do Tổng Công ty T3 được thành lập từ ngày 02/11/1995 nên sẽ không có trường hợp người lao động nào chuyển đến làm việc tại Tổng Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 (vì vào thời điểm 01/01/1995, Tổng Công ty T3 chưa thành lập).

Do vậy việc bà Võ Thị Yến N yêu cầu Tổng Công ty T3 chi trả tiền trợ cấp thôi việc cho giai đoạn đã làm việc cho doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước trong giai đoạn từ tháng 6/1985 đến trước tháng 7/1999 là không có căn cứ.

Ngoài ra, Trung tâm T3 cũng đã thực hiện việc chi trả trợ cấp thôi việc cho bà Võ Thị Yến N đầy đủ theo quy định trong khoảng thời gian bà Võ Thị Yến N công tác tại đơn vị thuộc Tổng Công ty T3.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Căn cứ Điều 48 Bộ luật lao động 2012; điểm c Khoản 3, Điều 14, Nghị định 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Yến N buộc Tổng công ty T3 Một thành viên thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho bà Võ Thị Yến N từ tháng 6/1985 đến tháng 30/6/1999 là 45.689.000 đồng.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 15/2023/LĐ-ST ngày 29/3/2023 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 31 Bộ luật lao động 1994; điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003; Điều 48 của Bộ luật lao động năm 2012; Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Yến N.

Buộc Tổng Công ty T3 Một thành viên phải thanh toán cho bà Võ Thị Yến N tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/6/1985 đến ngày 30/6/1999 là 45.689.000 đồng.

Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Võ Thị Yến N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty T3 Một thành viên còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Tổng Công ty T3 Một thành viên chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.370.670 đồng.

Bà Võ Thị Yến N không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngày 12/4/2023, bị đơn Tổng Công ty T3 Một thành viên làm và gửi qua đường bưu điện đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn Tổng Công ty T3 Một thành viên vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Yến N với lập luận cho rằng cấp sơ thẩm căn cứ các quy định pháp luật của Bộ luật lao động năm 1994 và Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ để giải quyết vụ án là không đúng quy định pháp luật. Tòa án phải căn cứ Bộ luật lao động 2012 và Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ để giải quyết vụ án vì tranh chấp về lao động phát sinh khi nguyên đơn xin thôi việc theo nguyện vọng vào ngày 15/9/2018.

- Nguyên đơn là bà Võ Thị Yến N xác định không kháng cáo bản án sơ thẩm; không đồng ý với kháng cáo của bị đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các bên đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn là trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp về yêu cầu trả trợ cấp thôi việc của nguyên đơn đối với thời gian làm việc từ ngày 01/6/1985 đến ngày 30/6/1999 nhưng áp dụng các quy định của Bộ luật lao động năm 1994 và Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ để giải quyết vụ án là không đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn là bà N nghỉ việc tại công ty ngày 15/9/2018 nên phải áp dụng Bộ luật Lao động năm 2012 và Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 để giải quyết vụ án.

Xét thấy, cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Bộ luật lao động năm 1994 và Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ để giải quyết vụ án là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi của người lao động. Đồng thời, các quy định của Bộ luật Lao động năm 2012 và Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ về chi trả tiền trợ cấp thôi việc đối với trường hợp người lao động là bà N cũng không thay đổi. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là đúng pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích pháp luật và động viên các bên hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Ngày 29/3/2023, Tòa án nhân dân Quận 1, T sơ thẩm và tuyên án vụ án. Ngày 12/4/2023, bị đơn Tổng Công ty T3 (Sau đây gọi tắt là Công ty) làm và gửi qua đường bưu điện (Có dấu xác nhận thư của bưu điện) đến Tòa án nhân dân TP . Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân TP . Hồ Chí Minh chuyển đơn kháng cáo qua đường bưu điện đến Tòa án nhân dân Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 28/4/2023. Đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn Tổng Công ty T3 Một thành viên là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty T3 Một thành viên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty T3 Một thành viên về việc cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật lao động chưa đúng để chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc trả tiền trợ cấp thôi việc cho bà N:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bên đương sự xác định thời gian làm việc liên tục của bà Võ Thị Yến N cho đến khi chấm dứt hợp đồng lao động tại Tổng Công ty T3 Một thành viên là thống nhất, nên Hội đồng xét xử không cần xem xét lại.

Xét tại phiên tòa, bà N cam kết và xác định bà làm việc liên tục, không bị gián đoạn, chưa nhận trợ cấp thôi việc của thời gian từ ngày 01/6/1985 đến ngày 30/6/1999. Bà N chấm dứt hợp đồng lao động với công ty từ ngày 15/9/2018. Bà N chỉ được nhận tiền trợ cấp thôi việc sau khi nghỉ việc do Tổng Công ty T3 Một thành viên chi trả nhưng còn thiếu của thời gian như bà khởi kiện.

Xét theo các quy định của Bộ luật lao động năm 1994; Nghị định số 44/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ; Bộ luật Lao động năm 2012; Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 47/2015/TT-BLĐTBXH ngày 16/11/2015 của Bộ L1 đều có quy định và hướng dẫn việc chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động vì tiền trợ cấp này là quyền lợi chính đáng của người lao động. Ngoài ra, về hiệu lực thi hành của Bộ luật lao động đều có quy định việc áp dụng pháp luật theo hướng có lợi hơn cho người lao động. Do đó, cấp sơ thẩm xét xử, áp dụng pháp luật và quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tổng Công ty T3 Một thành viên, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

Về án phí: Tổng Công ty T3 Một thành viên phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 293 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty T3 Một thành viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Yến N.

Buộc Tổng Công ty T3 Một thành viên phải trả cho bà Võ Thị Yến N tiền trợ cấp thôi việc từ ngày 01/6/1985 đến ngày 30/6/1999 là 45.689.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Trả toàn bộ số tiền 45.689.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn đồng) một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà Võ Thị Yến N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty T3 Một thành viên còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Tổng Công ty T3 Một thành viên chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.370.670 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi nghìn sáu trăm bảy mươi đồng).

Bà Võ Thị Yến N không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

3. Về án phí lao động phúc thẩm:

Tổng Công ty T3 Một thành viên phải chịu án phí lao động phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Tổng Công ty T3 Một thành viên đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền AA/2023/0043468 ngày 08/5/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Tòa án nhân dân Quận 1;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

Nguyễn Tiến Dũng